

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ THEO TIẾP CẬN CDIO**

*(Ban hành theo Quyết định số 3542/QĐ-ĐHV ngày 25/12/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 8310102

Nghệ An, 2023

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU	1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Vinh	1
1.2. Giới thiệu về Trường Kinh tế	3
1.3. Giới thiệu về chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị	5
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ	6
NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ.....	6
2.1 Thông tin chung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị.....	6
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị.....	8
2.3. Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của ngành Kinh tế chính trị	8
2.4. Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp	10
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp.....	10
2.5.1. Tuyển sinh	10
2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp	11
2.6. Các dịch vụ hỗ trợ người học	11
PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	13
3.1. Tổng quan chương trình dạy học.....	13
3.1.1. Tên ngành đào tạo:	13
3.1.2. Mã số ngành đào tạo: 8310102.....	13
3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	13
3.2.1. Chuẩn đầu ra CTĐT cấp độ 3 theo đề cương CDIO	13
3.2.2. Đối sánh Chuẩn đầu ra CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị với các văn bản quy định của Nhà nước.....	15
3.3. Khung chương trình đào tạo	20
3.4. Bảng phân nhiệm CDR CTĐT cho các CDR học phần	33
3.5 Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học.....	43
3.6. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	44
3.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.....	45
3.8. Mô tả tóm tắt các học phần.....	46
PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ.....	61
PHẦN 5. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP	70
PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	75
1. Trách nhiệm của Khoa/Trường	75
2. Trách nhiệm của giảng viên	75
3. Trách nhiệm của học viên.....	76

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh được thành lập năm 1959 theo Nghị định số 375/NĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục với tên gọi ban đầu là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/02/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục có Quyết định số 637/QĐ đổi tên Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Ngày 11/07/2011, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Là một trong những trường đại học đầu tiên của nền giáo dục cách mạng Việt Nam, Trường vinh dự được đóng trên quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vùng địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Từ khi thành lập đến nay, Trường đã trải qua 5 giai đoạn phát triển:

- Từ Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Sư phạm Vinh (1959 - 1965).
- Trường Đại học Sư phạm Vinh trong những năm sơ tán (1965 - 1973).
- Trường Đại học Sư phạm Vinh vượt qua khó khăn, từng bước đa ngành (1973 - 2001).
- Sự phát triển của Trường Đại học Vinh đa ngành (2001 - 2019).
- Xây dựng Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á (2019 - nay).

Từ Trường Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Vinh hôm nay là thành quả của sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong hơn 60 năm qua. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và trên thế giới.

Với tiền thân là Trường Đại học sư phạm Vinh, trải qua hơn 62 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, với nhiều đóng góp xuất sắc cho nền giáo dục nước nhà, góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, sự nghiệp đổi mới đất nước, Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý.

Nhà trường đã đào tạo trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo,

các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của tổ chức CSIC, hằng năm Trường Đại học Vinh đều được xếp trong top 20 các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam. Trường Đại học Vinh đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM) của 100 trường đại học hàng đầu châu Á (trong đó có nhiều tiêu chí đạt 5 sao). Theo bảng xếp hạng SCImago (SCImago Institutions Rankings) Trường Đại học Vinh xếp ở vị trí thứ 16 trong 22 trường đại học của Việt Nam.

Nghị quyết số 11/NQ-HĐ ngày 18/10/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh đã xác định sứ mạng, tầm nhìn của Trường, cụ thể là:

Tầm nhìn: "Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu Châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045".

Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế".

GIÁ TRỊ CỐT LÕI: Trung thực (Honesty)
Trách nhiệm (Accountability)
Say mê (Passion)
Sáng tạo (Creativity)
Hợp tác (Collaboration)

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC: HỢP TÁC - SÁNG TẠO

Trường Đại học Vinh xác định Hợp tác (Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. Hợp tác là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan.

Nhà trường tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua chương trình đào tạo với các phương pháp dạy học tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác

Trường Đại học Vinh coi Sáng tạo (Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm,

say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "hình thành ý tưởng - thiết kế - triển khai - vận hành" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

Chiến lược phát triển của Nhà trường là : Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045. Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Hiện tại, Trường đào tạo 57 ngành đại học (*trong đó có 3 ngành đại học chất lượng cao*), 38 chuyên ngành thạc sĩ, 17 chuyên ngành tiến sĩ (2). Ngoài ra, Trường Đại học Vinh còn có 3 trường trực thuộc (Trường THPT Chuyên, Trường Mầm non thực hành và Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông thực hành). Quy mô đào tạo của Trường là gần 35.000 học sinh, sinh viên, học viên, trong đó sinh viên, học viên chính quy là 22.000 người.

Trong 57 ngành đào tạo đại học, Trường Đại học Vinh có 14 ngành đào tạo giáo viên là các ngành truyền thống, cung cấp nguồn giáo viên chất lượng cao cho cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu. Từ năm 2017, Nhà trường đã xây dựng và phát triển Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO cho tất cả các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học. Trường đang tập trung xây dựng các mô hình đào tạo giáo viên nói riêng, đào tạo các nguồn nhân lực nói chung theo tiếp cận năng lực, đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển hệ thống hỗ trợ dạy học E-learning, các hình thức dạy học trực tuyến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

1.2. Giới thiệu về Trường Kinh tế

Năm 2003, Khoa Kinh tế được thành lập theo Quyết định số 870/QĐ-BGH&ĐT-TCCB, ngày 24/2/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tháng 9 năm 2021 Khoa Kinh tế được Trường Đại học Vinh chuyển đổi mô hình thành Trường Kinh tế được giao nhiệm vụ đào tạo: 1 mã ngành đào tạo Tiến sĩ; 3 mã ngành đào tạo thạc sĩ; 5 mã ngành Đại học chính quy hệ cử nhân kinh tế; 4 mã ngành đào tạo Đại học hệ vừa làm vừa học. Trường Kinh tế có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại học và Sau đại học khối ngành Kinh tế phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, Trường Kinh tế thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- Đào tạo trình độ Tiến sĩ: chuyên ngành Quản lý kinh tế.
- Đào tạo trình độ Thạc sĩ: chuyên ngành Kinh tế chính trị, chuyên ngành Quản lý kinh tế, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán.
- Đào tạo Cử nhân Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân quản trị kinh doanh hệ Chất lượng cao, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Kinh tế nông nghiệp, Cử nhân Thương mại điện tử.
- Nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.
- Bồi dưỡng và quảng bá kiến thức về khối ngành Kinh tế
- Đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học.
- Triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phát triển trong nước và quốc tế.

Tầm nhìn, Sứ mạng, Triết lí giáo dục của Trường Kinh tế:

Sứ mạng: Trường Kinh tế là trường thuộc Trường Đại học Vinh, đào tạo theo định hướng ứng dụng, cung cấp nguồn nhân lực kinh tế chất lượng cao, chú trọng đổi mới các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, góp phần vào sự phát triển của khu vực Bắc trung Bộ và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Kinh tế trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý có chất lượng, uy tín hàng đầu khu vực Bắc Trung Bộ.

Slogan: Kết nối tri thức - Kiến tạo tương lai

Triết lí giáo dục (Giá trị cốt lõi): *Hợp tác - Kiến tạo - Phát triển*

Hợp tác: Chúng tôi luôn sẵn sàng hợp tác với tất cả các bên liên quan để tìm kiếm các cơ hội, cùng kết nối, chia sẻ tri thức để mang đến những giá trị tốt đẹp nhất cho người học, cho giảng viên và người lao động.

Kiến tạo: Bằng việc chú trọng đổi mới chương trình đào tạo, thực hiện gắn dạy học với đồ án/dự án môn học để giải quyết các bài toán thực tiễn và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên. Từ đó tạo nên những sản phẩm đầu ra có tính tích cực, chủ động và sáng tạo cao nhất.

Phát triển: Với những gì được lĩnh hội tại đây, từ người học, giảng viên cho đến người lao động đều có cơ hội được hoàn thiện và phát triển bản thân, cơ hội phát triển trong nghề nghiệp, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội và đất nước.

Chính sách chất lượng: Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh cam kết:

1. Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực kinh tế chất lượng cao, đảm bảo các công trình nghiên cứu khoa học có chất lượng và chuyển giao các kết quả nghiên cứu

cho các tổ chức, địa phương, doanh nghiệp.

2. Luôn lấy người học làm trung tâm, đội ngũ giảng viên là nguồn lực cốt lõi trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

3. Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật, đổi mới nội dung chương trình đào tạo, giáo trình, phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

4. Tạo môi trường học tập, nghiên cứu và điều kiện làm việc tốt nhất cho các cấp bậc học, cho từng viên chức, người lao động của Nhà trường, từ đó tạo ra hệ giá trị cốt lõi “*Hợp tác - Kiến tạo - Phát triển*” cho người học, viên chức, người lao động.

5. Thường xuyên đánh giá và cải tiến cách thức, phương pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hoạt động của Nhà trường

Hiện nay Trường Kinh tế đã và đang có quan hệ hợp tác với một số cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế để triển khai một số chương trình dự án nghiên cứu khoa học phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; Trường đã ký hợp tác với Hội Kế toán công chứng Anh ICAEW dạy và cấp chứng chỉ kế toán quốc tế. Ngoài ra, Trường có quan hệ hợp tác với các Trường Đại học và Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế như: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học Ngoại thương, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Thương mại, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM, Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Hà Tĩnh, Viện Nghiên cứu Kinh tế Trung Ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công thương, Cục thuế... các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.

Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh sẽ mở rộng các hướng và hình thức đào tạo đa dạng, tiếp tục phát triển thích ứng với điều kiện hoàn cảnh mới, đáp ứng yêu cầu phát triển mới, phù hợp nhu cầu và sự phát triển của xã hội mở ra cơ hội việc làm và phát triển nghề nghiệp cho người học, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng trong thời kỳ đổi mới đất nước, góp phần cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.3. Giới thiệu về chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị được thiết kế dựa trên các khối kiến thức (khối kiến cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành). Mục tiêu chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị có kiến thức thực tế và kiến thức lí thuyết sâu, rộng, tiên tiến về kinh tế chính trị; có khả năng vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng để hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, đánh giá, điều chỉnh và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Bộ, Ban, Ngành, địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc

đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài

Chương trình được giảng dạy và học tập bằng Tiếng Việt, số tín chỉ toàn khóa học là 61 tín chỉ. Chương trình xây dựng trên cơ sở tham khảo đối sánh các chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị có uy tín trong nước. Hàng năm học viên đào tạo chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị đều được trải nghiệm thực tế doanh nghiệp. Học viên được học tập tại các giảng đường hiện đại bậc nhất của Trường Đại học Vinh. Các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

Học viên theo học chương trình đào tạo chất lượng cao được hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị và tài liệu Tiếng Anh của đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị. Thư viện của Trường được quản lý bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu hệ thống luận văn, luận án. Hệ thống phòng học, trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Trường Kinh tế.

1.	Tên ngành đào tạo:	Kinh tế chính trị
2.	Mã số ngành đào tạo:	8.31.01.02
3.	Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4.	Thời gian đào tạo:	2 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị.
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế
7.	Địa chỉ	Số 182, Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An
8.	Điện thoại	02383.552.496
9.	Facebook page	https://www.facebook.com/khoakinhtetruongkinhtetruongdaihocvinh?locale=pt_BR

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ

2.1 Thông tin chung chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị

1.	Tên ngành đào tạo:	Kinh tế chính trị
2.	Mã số ngành đào tạo:	8.31.01.02
3.	Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
4.	Thời gian đào tạo:	2 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị.
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ	Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế

	đào tạo:	
7.	Hình thức đào tạo:	
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	61 tín chỉ
9.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
10.	Địa chỉ	Số 182, Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An
11.	Ngày tháng ban hành:	
11.	Phiên bản chỉnh sửa:	

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế chính trị được xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO và định hướng chuyển đổi số của Trường Đại học Vinh, cụ thể:

- Mô hình CDIO (Hình thành ý tưởng - thiết kế - triển khai - vận hành) được đưa vào chuẩn đầu ra CTĐT; Việc hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị được xây dựng theo đúng quy trình CDIO, thể hiện trong các sản phẩm của các đồ án.

- Các chuẩn đầu ra được thiết kế trên cơ sở mục tiêu chương trình đào tạo, mục tiêu này đã được đối sánh phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường.

- Người học học tập chương trình đào tạo tích hợp. Theo đó việc học tập kiến thức chuyên ngành được tích hợp các kỹ năng cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, phân tích, đánh giá và vận hành, cải tiến các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.

- Người học được hỗ trợ về cơ sở vật chất, thiết bị và tài liệu học tập đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành Kinh tế chính trị. Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành Kinh tế chính trị có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Trường Kinh tế.

- Giảng viên giảng dạy ngành Kinh tế chính trị thành thạo về kiến thức chuyên ngành, năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp, năng lực giải quyết vấn đề và ra quyết định, năng lực quản lý xung đột và đàm phán, năng lực không ngừng học tập và phát triển bản thân, năng lực sử dụng công nghệ và ứng dụng công nghệ số vào công việc giảng dạy.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị được giảng dạy và học tập với số tín chỉ toàn khóa học là 61 tín chỉ. Chương trình xây dựng trên cơ sở tham khảo đối sánh các chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị có uy tín trong nước. Hàng năm học viên đào tạo chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị đều được trải nghiệm thực tế doanh nghiệp. Học viên được học tập tại các giảng đường hiện đại bậc nhất của Trường Đại học Vinh. Các học phần trong chương trình đào tạo

thạc sĩ Kinh tế chính trị được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết, có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành *Kinh tế chính trị* theo định hướng ứng dụng có kiến thức thực tế và kiến thức lí thuyết sâu, rộng, tiên tiến về kinh tế chính trị; có khả năng vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng để hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, đánh giá, điều chỉnh và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Bộ, Ban, Ngành, địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành *Kinh tế chính trị theo định hướng ứng dụng*, người học có khả năng:

PO1. *Áp dụng* thành thạo kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế chính trị.

PO2. *Vận dụng* tư duy phản biện, kĩ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; phát triển kỹ năng nghiên cứu, chuyên đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kinh tế chính trị.

PO3. *Thể hiện* đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị, khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân

PO4. *Hình thành* ý tưởng, thiết kế, triển khai và phát triển các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế chính trị.

2.3. Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ của ngành Kinh tế chính trị

2.3.1 *Khung chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ* của ngành *Kinh tế chính trị* là những yêu cầu chung về kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp của người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) Sau khi hoàn thành CTĐT ngành KTCT người học có khả năng:	Điểm NL cần đạt {Mức NL}
1. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		
1.1.	Kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành Kinh tế chính trị	

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) Sau khi hoàn thành CTĐT ngành KTCT người học có khả năng:	Điểm NL cần đạt {Mức NL}
1.1.1.	Áp dụng được các kiến thức chung về triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {K3}
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {K3}
1.2.	Kiến thức chuyên sâu về trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {K3}
2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp		
2.1.	Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp	
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
2.1.2.	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {S3}
2.2.	Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.2.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {A3}
2.2.2.	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	2,5 {A3}
3. Làm việc nhóm và giao tiếp		
3.1.	Làm việc nhóm	
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.1.2.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.	Giao tiếp	
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {S4}
3.2.2.	Áp dụng được các kỹ năng tiếng Anh phổ thông (bậc 4/6) và tiếng Anh chuyên ngành trong các hoạt động thực tiễn nghề nghiệp	2,5 {S3}
4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành		
4.1.	Bối cảnh	
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {S4}

Ký hiệu	<p align="center">Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)</p> <p align="center">Sau khi hoàn thành CTĐT ngành KTCT người học có khả năng:</p>	<p align="center">Điểm NL cần đạt</p> <p align="center">{Mức NL}</p>
4.2.	<p align="center">Hình thành ý tưởng-Thiết kế - Triển khai - Đánh giá các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị</p>	
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {S4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị một cách khoa học	3,5 {S4}
4.2.3.	Triển khai được các ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {S4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {S4}

2.4. Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

- *Thứ nhất, cán bộ, công chức của Đảng và Nhà nước:* Thạc sĩ Kinh tế chính trị với những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất được đào tạo, những hiểu biết hệ thống về đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách của Nhà nước, hoàn toàn đáp ứng được những yêu cầu của cán bộ, công chức của Đảng và Nhà nước, từ địa phương đến trung ương.

- *Thứ hai, công tác trong các tổ chức chính trị – xã hội, các tổ chức kinh tế:* Với những kiến thức mang tính liên ngành, thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể làm việc tại các cơ quan tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế quốc tế tại Việt Nam. Bên cạnh đó, có thể trở thành chuyên viên triển khai và giám sát thực hiện các quyết định quản lý trong các tổ chức, hoặc trở thành chuyên gia phân tích chính sách, các nhà tư vấn và quản lý kinh tế, xã hội cấp cao, tham gia quản lý các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế...

- *Thứ ba, cán bộ giảng dạy và nghiên cứu kinh tế:* Với những kiến thức hệ thống, thạc sĩ Kinh tế chính trị có khả năng nghiên cứu và đề xuất hướng giải quyết các vấn đề kinh tế – xã hội, đồng thời, cũng có những kỹ năng để truyền đạt các tri thức của mình. Vì vậy, Thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể làm việc tại các viện nghiên cứu; các trường đại học – cao đẳng khối ngành kinh tế; các trường chính trị của quận, huyện, tỉnh, thành phố; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên, tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế, đặc biệt là kinh tế chính trị hiện đại.

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

Đối tượng dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường là công dân Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

b) Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

Học viên tốt nghiệp Đại học tất cả các ngành đều được tham gia xét tuyển thạc sĩ Kinh tế chính trị (định hướng ứng dụng). Đối với ngành đúng sẽ không phải học bổ sung kiến thức; ngành gần và các ngành còn lại sẽ học chuyển đổi từ 3 - 7 học phần.

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đồ án đạt yêu cầu.

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp, được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ giáo dục và đào tạo công bố hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2.6. Các dịch vụ hỗ trợ người học

Trường Đại học Vinh đã thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ người học, học viên. Trường Đại học Vinh đã xây dựng Quỹ Hỗ trợ học sinh, sinh viên, học viên (HSSV). Quỹ Hỗ trợ HSSV Trường Đại học Vinh được thành lập tháng 1 năm 2016. Đến nay Quỹ đã kêu gọi, tiếp nhận, trao số tiền gần 20 tỷ đồng cho HSSV. Hiện tài khoản của Quỹ vẫn còn số dư trên 3 tỷ đồng đảm bảo để Quỹ duy trì hoạt động và kịp thời hỗ trợ cho các HSSV bị ốm đau, tai nạn rủi ro hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác. Trường Đại học Vinh đã xây dựng mạng lưới cựu HSSV, xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Liên lạc cựu HSSV Trường Đại học Vinh (2018); thành lập các Ban liên lạc cựu HSSV tại tất cả các khoa, viện, trường thuộc và trực thuộc (2018) và Ban Liên lạc cựu HSSV Trường Đại học Vinh (2019).

Trường Đại học Vinh đã tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng: Tổ chức nhiều sự kiện văn hoá, các hội nghị, hội thảo tư vấn nghề nghiệp, việc làm; các chương trình giao lưu văn nghệ với hàng chục diễn giả, nghệ sĩ nổi tiếng được giới trẻ mến

mộ. Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về thương mại điện tử, kỹ năng và tư duy khởi nghiệp sáng tạo, khởi sự kinh doanh; bồi dưỡng ngoại ngữ miễn phí (tiếng Nhật, Hàn, Đức, Anh, Trung Quốc) nhằm phục vụ nhu cầu của HSSV.

Trường Đại học Vinh đã xây dựng và ra mắt “Cổng Thông tin việc làm Trường Đại học Vinh” (26/4/2021). Quỹ Hỗ trợ HSSV Trường Đại học Vinh được thành lập tháng 1 năm 2016. Đến nay Quỹ đã kêu gọi, tiếp nhận, trao số tiền gần 20 tỷ đồng cho HSSV. Hiện tài khoản của Quỹ vẫn còn số dư trên 3 tỷ đồng đảm bảo để Quỹ duy trì hoạt động và kịp thời hỗ trợ cho các HSSV bị ốm đau, tai nạn rủi ro hoặc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác.

PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Tổng quan chương trình dạy học

3.1.1. Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Kinh tế chính trị
- + Tiếng Anh: Political Economy

3.1.2. Mã số ngành đào tạo: 8310102

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Thời gian đào tạo: 2 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Political Economy

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành **Kinh tế chính trị** định hướng ứng dụng có kiến thức thực tế và kiến thức lí thuyết sâu, rộng, tiên tiến về kinh tế chính trị; có khả năng vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng để hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, đánh giá, điều chỉnh và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Bộ, Ban, Ngành, địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị theo định hướng ứng dụng, người học có khả năng: Áp dụng thành thạo các kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị. Có kỹ năng phân biệt, phân tích, tổng hợp để đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học, tiên tiến; phát triển kỹ năng nghiên cứu, chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị. Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị, khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và phát triển các vấn đề trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.

3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.2.1. Chuẩn đầu ra CTĐT cấp độ 3 theo đề cương CDIO

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) Sau khi hoàn thành CTĐT ngành KTCT người học có khả năng:	Điểm NL cần đạt {Mức NL}
1. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		
1.1.	Kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành Kinh tế chính trị	
1.1.1.	Áp dụng được các kiến thức chung về triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {K3}
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính	2,5 {K3}

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) Sau khi hoàn thành CTĐT ngành KTCT người học có khả năng:	Điểm NL cần đạt {Mức NL}
	trị	
1.2.	Kiến thức chuyên sâu về trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {K3}
2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp		
2.1.	Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp	
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {S3}
2.1.2.	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {S3}
2.2.	Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.2.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {A3}
2.2.2.	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	2,5 {A3}
3. Làm việc nhóm và giao tiếp		
3.1.	Làm việc nhóm	
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.1.2.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3,5 {S4}
3.2.	Giao tiếp	
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {S4}
3.2.2.	Áp dụng được các kỹ năng tiếng Anh phổ thông (bậc 4/6) và tiếng Anh chuyên ngành trong các hoạt động thực tiễn nghề nghiệp	2,5 {S3}
4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành		
4.1.	Bối cảnh	
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {S4}
4.2.	Hình thành ý tưởng-Thiết kế - Triển khai - Đánh giá các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {S4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị một cách khoa học	3,5 {S4}
4.2.3.	Triển khai được các ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {S4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {S4}

3.2.2. Đối sánh Chuẩn đầu ra CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị với các văn bản quy định của Nhà nước (Bảng 1 và Bảng 2)

BẢNG 1: ĐỐI SÁNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THẠC SỸ KINH TẾ CHÍNH TRỊ

	Dự thảo Mục tiêu CTC ngành Kinh tế chính trị	Tâm nhìn, Sứ mạng và Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh	Luật giáo dục đại học năm 2018 (Số: 42/VBHN-VPQH)	Mô tả nội dung trình độ Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016)	Nhận xét
Mục tiêu chương đào tạo	<p>Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị theo định hướng ứng dụng có kiến thức thực tế và kiến thức lí thuyết sâu, rộng, tiên tiến về kinh tế chính trị; có khả năng vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng để hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, đánh giá, điều chỉnh và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Bộ, Ban, Ngành, địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo</p>	<p>Phù hợp với Triết lý, sứ mệnh tâm nhìn của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi Sáng tạo là năng lực cốt lõi của cá nhân</p>	<p>- Phù hợp với Điều 5 điểm 2 Mục tiêu cụ thể của Luật giáo dục</p> <p>2. Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ 4 đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:</p> <p>a) 5</p> <p>b) Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.</p>	<p>-Phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 QĐ 1982 về phê duyệt Khung trình độ quốc gia</p>	

	<p>tiến sỹ trong nước và nước ngoài.</p> <p>MT1. Áp dụng thành thạo kiến thức thực tế và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế chính trị.</p> <p>MT2. Vận dụng tư duy phân biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; phát triển kỹ năng nghiên cứu, chuyên đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kinh tế chính trị.</p> <p>MT3. Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị, khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân.</p> <p>MT4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và phát triển các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế chính trị.</p>	<p>- Đối sánh:</p> <p>- Phù hợp với Triết lý, sứ mệnh tâm nhìn của Đại học Vinh: Trường Đại học Vinh coi Sáng tạo là năng lực cốt lõi của cá nhân</p>	<p>- Phù hợp với Điều 5 điểm 2 Mục tiêu cụ thể của Luật giáo dục</p> <p>2. Mục tiêu cụ thể đào tạo trình độ 4 đại học, thạc sĩ, tiến sĩ:</p> <p>a) 5</p> <p>b) Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.</p>	<p>- Phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 QĐ 1982 về phê duyệt Khung trình độ quốc gia</p>
--	---	---	--	--

BẢNG 2: ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH THẠC SỸ KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ThS Ngành Kinh tế chính trị	Khung trình độ Quốc gia Việt Nam	Đề cương CDIO
KIẾN THỨC	KIẾN THỨC	KIẾN THỨC
1.1.1. Áp dụng được các kiến thức chung về triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	Kiến thức chung về quản trị và quản lý	Kiến thức đại cương
1.1.2. Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	Kiến thức liên ngành có liên quan.	Kiến thức cơ sở ngành
1.2.1. Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo	Kiến thức chuyên ngành
KỸ NĂNG		
2.1.1. Áp dụng được tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	KỸ NĂNG & MỨC ĐỘ TỰ CHỦ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.	KỸ NĂNG VÀ PHẨM CHẤT CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP Kỹ năng lập luận, tư duy giải quyết vấn đề
2.1.2. Sử dụng kỹ năng chuyên đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp	Kỹ năng nghiên cứu khám phá kiến thức
2.2.1. Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác	Kỹ năng phẩm chất nghề nghiệp
2.2.2. Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến	Kỹ năng phẩm chất cá nhân
3.1.1. Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn.		Kỹ năng làm việc nhóm

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ThS Ngành Kinh tế chính trị		Khung trình độ Quốc gia Việt Nam	Đề cương CDIO
3.1.2.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn		Kỹ năng làm việc nhóm
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác	Kỹ năng giao tiếp
3.2.2.	Áp dụng được các kỹ năng tiếng Anh phổ thông (bậc 4/6) và tiếng Anh chuyên ngành trong các hoạt động thực tiễn nghề nghiệp	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ
	C-D-I-O	KỸ NĂNG & MỨC ĐỘ TỰ CHỦ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM	NĂNG LỰC CDIO
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học	Bối cảnh
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng	Hình thành ý tưởng
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị một cách khoa học	Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp	Thiết kế
4.2.3.	Triển khai được các ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn	Triển khai
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị và đưa ra các giải pháp cải tiến	Quan lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.	Kiểm soát và cải tiến

3.3. Khung chương trình đào tạo

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ THEO TIẾP CẬN CDIO

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ. MÃ NGÀNH: 8310102

Định hướng: Ứng dụng

(Ban hành theo Quyết định số 3537/QĐ-ĐHV ngày 22 /12/2023

của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần	Phân kỳ	Đơn vị phụ trách
I. CÁC HỌC PHẦN CHUNG (cho tất cả các ngành)						
1	PHI81001	Triết học	4	Lý thuyết	1	Khoa GDCT
2	ENG81002	Ngoại Ngữ	3	Lý thuyết	1	Khoa SPNN
II. CÁC HỌC PHẦN CƠ SỞ NGÀNH						
1. Các HP bắt buộc						
3	ECO82003	Các học thuyết kinh tế hiện đại	3	Lý thuyết	1	Khoa Kinh tế
4	ECO82004	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	Lý thuyết	1	Khoa Kinh tế
5	ECO82005	Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội	3	Lý thuyết	1	Khoa Kinh tế
6	ECO82006	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3	Lý thuyết	1	Khoa Kinh tế
2. Các HP tự chọn						
7	Tự chọn 1		3	Lý thuyết	2	Trường kinh tế
8	Tự chọn 2		3	Lý thuyết	2	Trường kinh tế
9	Tự chọn 3		3	Lý thuyết	2	Trường kinh tế
10	Tự chọn 4		3	Lý thuyết	2	Trường kinh tế
III. CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH						
1. Các HP bắt buộc						
11	PEC83015	Kinh tế chính trị Mác - Lênin nâng cao	3	Dự án	3	Khoa Kinh tế
12	PEC83016	Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay	3	Dự án	3	Khoa Kinh tế
13	PEC83017	Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu	3	Dự án	3	Khoa Kinh tế

		hướng vận động				
	2. Các HP tự chọn - Định hướng Ứng dụng					
14	Tự chọn 5		3	Dự án	3	Khoa Kinh tế
15	Tự chọn 6		3	Dự án	3	Khoa Kinh tế
IV. LUẬN VĂN/THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP						
16	PEC83027	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	15	Dự án	4	Khoa Kinh tế
	Tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần					
	PEC82007	Kinh tế quốc tế nâng cao				
	PEC82008	Kinh tế phát triển nâng cao				
	Tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần					
	PEC82009	Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế				
	PEC82010	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội				
	Tự chọn 3: Chọn 1 trong 2 học phần					
	PEC82011	Kinh tế công cộng				
	PEC82012	Tài chính ngân hàng và sự phát triển				
	Tự chọn 4: Chọn 1 trong 2 học phần					
	PEC82013	Kinh tế nguồn nhân lực				
	PEC82014	Quản lý đầu tư công				
	Tự chọn 5: Chọn 1 trong 2 học phần					
	PEC83020	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi				

	PEC83021	Các mô hình công nghiệp hóa				
	Tự chọn 6: Chọn 1 trong 2 học phần					
	PEC83024	Kinh tế học các vấn đề xã hội				
	PEC83025	Phát triển bền vững				

3.3.2. Đối sánh khung Chương trình dạy học trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị với CTDH của các trường Đại học trong nước và nước ngoài (Bảng 3 và 4)

BẢNG 3: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG NƯỚC

	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị Đại học Vinh	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội (NEU) (Định hướng ứng dụng)	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (Định hướng ứng dụng)	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ: 61 Khối kiến thức chung: 7 tín chỉ Bắt buộc - Triết học (4 tín chỉ) - Ngoại ngữ (3 tín chỉ)	Số tín chỉ: 60 Khối kiến thức cơ bản: 12 tín chỉ + <i>Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ</i> - Triết học (4 tín chỉ) - Phương pháp NCKH (2 tín chỉ) + <i>Học phần tự chọn: 06 tín chỉ (Chọn 2 trong tổ hợp 4 học phần)</i> - Kinh tế vĩ mô ứng dụng (3 TC) - Thống kê ứng dụng (3 TC) - Kinh tế lao động (3 TC) - Kinh tế tài nguyên (3 TC)	Số tín chỉ: 65 Khối kiến thức chung: 9 tín chỉ Bắt buộc - Triết học (4 tín chỉ) - Tiếng Anh (5 tín chỉ)	Về cơ bản, chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh khá đồng nhất với chương trình của trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội và ĐH Kinh tế quốc dân về khối kiến thức chung bắt buộc
	1. Khối kiến thức cơ sở ngành: 24 tín chỉ + <i>Học phần bắt buộc: 12 tín chỉ</i> Các học thuyết kinh tế hiện đại (3 TC) Kinh tế vĩ mô nâng cao (3 TC) Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội (3TC) Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế (3 TC) + <i>Học phần tự chọn: 12/24 tín chỉ (chọn 4 trong 8 môn)</i> Kinh tế quốc tế nâng cao (3	1. Kiến thức ngành - Số tín chỉ: 21 + <i>Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ</i> - Kinh tế phát triển nâng cao (3 TC) - Hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa (3 TC) + <i>Học phần tự chọn: 15 tín chỉ (5 nhóm tự chọn, mỗi nhóm chọn 1 học phần)</i> Nhóm 1: - Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 41 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 22 tín chỉ - <i>Lý thuyết kinh tế vi mô</i> - Lý thuyết kinh tế vĩ mô - Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao - Kinh tế chính trị của sự phát triển - Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người - Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao - Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế	Về cơ bản, chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh khá đồng nhất với chương trình của Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội và ĐH Kinh tế quốc dân về khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Kinh tế chính trị. - Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh tập trung đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn theo hướng ứng dụng thực tiễn qua các học

	<p>TC)</p> <p>Kinh tế phát triển năng cao (3TC)</p> <p>Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế (3TC)</p> <p>Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội (3 TC)</p> <p>Kinh tế công cộng (3 TC)</p> <p>Tài chính ngân hàng và sự phát triển (3 TC)</p> <p>Kinh tế nguồn nhân lực (3 TC)</p> <p>Quản lý đầu tư công (3 TC)</p> <p>2. Khó khăn thức chuyên ngành: 15 tín chỉ</p> <p>+ <i>Học phần bắt buộc: 9 tín chỉ</i></p> <p>Kinh tế chính trị Mác - Lênin năng cao (3 TC)</p> <p>Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay (3 TC)</p> <p>Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động (3 TC)</p> <p>+ <i>Học phần tự chọn: 6/12 tín chỉ (chọn 2 trong 6 môn)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi (3 TC) - Các mô hình công nghiệp hóa (3 TC) - Kinh tế học các vấn đề xã hội (3 TC) - Phát triển bền vững (3 TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế học thế chế - Kinh tế công cộng năng cao <p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự báo kinh tế - Phân tích chính sách kinh tế - Chính sách kinh tế đối ngoại <p>Nhóm 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích chuỗi thời gian - Phân tích dữ liệu mảng ứng dụng - Hệ thống tài khoản quốc gia <p>Nhóm 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế thương mại dịch vụ - Tài chính quốc tế <p>- Kinh tế đầu tư</p> <p>Nhóm 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế nông nghiệp - Kinh tế bất động sản - Kinh tế môi trường <p>2. Kiến thức chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tín chỉ: 12 + <i>Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ</i> - Học thuyết Mác về phương thức sản xuất TBCN - Kinh tế chính trị Việt Nam hiện nay + <i>Học phần tự chọn: 06 tín chỉ</i> - KTC về các nền kinh tế chuyển đổi - Thế chế kinh tế thị trường ở Việt Nam - Các mô hình công nghiệp hóa - Lịch sử tư tưởng kinh tế phương 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển + <i>Học phần tự chọn: 19 tín chỉ (chọn trong tổng 51 tín chỉ)</i> - Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn - Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế - Chính trị và phát triển - Môi trường và phát triển - Nông nghiệp trong phát triển kinh tế - Tăng trưởng, phát triển và sự chuyển đổi kinh tế - Kinh tế chính trị Việt Nam - Những vấn đề về chính sách thị trường lao động - Phân phối thu nhập trong nền kinh tế thị trường - Các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô <p>Quản lý công và Lãnh đạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn cầu hóa và chính sách công - Thị trường toàn cầu và khủng hoảng tài chính - Cách mạng Công nghiệp và phát triển - Quản lý thay đổi - Kinh tế vi mô nâng cao: - Thị trường, cân bằng và chính sách công - Kinh tế học về Luật pháp, Quy định và cạnh tranh - Phương pháp định lượng, Thống kê và Kinh tế lượng 	<p>phần chuyên ngành để hướng đến chuẩn đầu ra là có khả năng vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng để hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, đánh giá, điều chỉnh và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị. Các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh được biên soạn và tham khảo từ các tài liệu mới nhất thuộc lĩnh vực chuyên môn.</p>
--	---	--	--	--

		<p>Đông và Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các học thuyết kinh tế hiện đại - Kinh tế chính trị quốc tế 	<p><i>Thực tập và đề án tốt nghiệp: 15 tín chỉ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thực tập: 6 tín chỉ</i> - <i>Đề án: 9 tín chỉ</i> 	<p><i>Thực tập thực tế và đề án tốt nghiệp: 15 tín chỉ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thực tập: 6 tín chỉ</i> - <i>Đề án: 9 tín chỉ</i>
		<p><i>Thực tập và đề án tốt nghiệp: 15 tín chỉ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thực tập: 6 tín chỉ</i> - <i>Đề án: 9 tín chỉ</i> 		<p>Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh cơ bản đồng nhất với chương trình của trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội và ĐH Kinh tế quốc dân về Thực tập và đề án tốt nghiệp</p>

BẢNG 4: ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NƯỚC NGOÀI

	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị Đại học Vinh	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị King's College London https://www.masterstudies.com/institutions/kings-college-london-faculty-of-social-science-and-public-policy	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị The University of Manchester https://www.manchester.ac.uk/study/masters/courses/list/06969/ma-political-economy-standard-route/	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	Chương trình gồm: 180 tín chỉ - Bắt buộc: 43 tín chỉ - Tự chọn: 18 tín chỉ (Trong đó thực tập và đồ án là 15 tín chỉ)	Chương trình gồm: 180 tín chỉ - Bắt buộc: 90 tín chỉ - Tự chọn: 90 tín chỉ (Trong đó Luận văn là 60 tín chỉ)	Chương trình gồm: 150 tín chỉ - Bắt buộc: 105 tín chỉ - Tự chọn: 45 tín chỉ (Trong đó Luận văn là 60 tín chỉ)	
Mục tiêu	Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị định hướng ứng dụng có kiến thức thực tế và kiến thức lí thuyết sâu, rộng, tiên tiến về kinh tế chính trị; có khả năng vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng để hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, đánh giá, điều chỉnh và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Bộ, Ban, Ngành, địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài.	Chương trình sẽ giúp người học phát triển sự hiểu biết về thể chế chính trị và kinh tế Vương quốc Anh và toàn cầu. Người học sẽ có được các kỹ năng lý thuyết và thực tiễn cần thiết để tham gia vào các vấn đề trong nước và thế giới đương đại ở cấp độ nâng cao.	Chương trình thạc sĩ được thiết kế học toàn thời gian 1 năm hoặc bán thời gian hai năm. Chương trình trang bị cho người học sự hiểu biết toàn diện về kinh tế chính trị. Sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các học viện, công chức, cơ quan báo chí, các tổ chức phi chính phủ, và nhiều lĩnh vực khác.	

<p>Các học phần</p>	<p>Chương trình có 16 môn, trong đó có 10 môn bắt buộc và 6 môn tự chọn</p> <p>Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có tổng số 61 tín chỉ với cấu trúc gồm 3 phần như sau:</p> <p>Phần I: Các môn học chung cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.</p> <p>Phần II: Môn học kiến thức cơ sở và môn học kiến thức chuyên ngành</p> <p>Tổng số gồm 39 tín chỉ với 13 môn học cho 2 phần kiến thức.</p> <p>1. Phần kiến thức cơ sở ngành: có 8 môn học với tổng số 24 tín chỉ.</p> <p>2. Phần kiến thức chuyên ngành có 5 môn học với tổng số 15 tín chỉ</p> <p>Phần III: Thực tập và đồ án tốt nghiệp</p> <p>Thực tập và đồ án tốt nghiệp: 15 tín chỉ</p>	<p>Chương trình giảng dạy bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn.</p> <p>Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có tổng số 180 tín chỉ với cấu trúc gồm 3 phần như sau:</p> <p>Phần I – Kiến thức bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm chính trong kinh tế chính trị đương đại (30 tín chỉ) Phần II: Luận văn (60 tín chỉ) Phần III - Các mô-đun tùy chọn: 90 tín chỉ (6 môn mỗi môn 15 tín chỉ từ một loạt các học phần tùy chọn) sau: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá Chính sách công - Tự do, Bình đẳng và Công lý: Lý thuyết chính trị và Chính sách công - Chính sách quản lý - Truyền thông, Bầu cử và Vận động - Từ Blair đến Brexit: Nước Anh từ năm 1997 <p>Giới, Chính trị và Chính sách công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế chính trị mới của phương tiện truyền thông - Đạo đức và Chính sách công - Kinh tế chính trị của chính sách kinh tế - Kinh tế chính trị so sánh - Lý thuyết trò chơi và kinh tế chính trị - Phương pháp định lượng trong kinh tế chính trị - Thê chế & Phát triển kinh tế - Các đảng phái, cử tri và văn hóa chính trị ở Anh 1945-2010 	<p>Chương trình giảng dạy bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn với tổng số 150 tín chỉ với cấu trúc như sau:</p> <p>Phần I – Các kiến thức bắt buộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp tiếp cận lý thuyết về kinh tế chính trị (30 tín chỉ) - Thiết kế và Kỹ năng Nghiên cứu (15 tín chỉ) Phần II: Luận văn (60 tín chỉ) Phần III – Tùy chọn 45 tín chỉ (3 môn mỗi môn 15 tín chỉ) từ các môn sau: <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế chính trị của kinh doanh toàn cầu - Các công ty đa quốc gia và hệ thống việc làm so sánh - Phân tích công ty - Lý thuyết kinh tế vi mô - Lý thuyết kinh tế vĩ mô - Nghèo đói, bất bình đẳng và chính sách của chính phủ ở các nước kém phát triển - Kinh tế học về chính sách môi trường - Kinh tế chính trị toàn cầu - Chính trị và quản lý phát triển - Phát triển kinh tế
----------------------------	--	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Dân chủ ở Vương quốc Anh và Châu Âu từ năm 1945 - Các vấn đề trong Lịch sử kinh tế - Kinh tế chính trị của sự phân biệt đối xử - Kinh tế chính trị của chế độ độc tài ở Trung Đông - Lý thuyết chính trị - Kinh tế chính trị chính thức - Kinh tế phát triển (15 tín chỉ) - Kinh tế vi mô nâng cao (15 tín chỉ) - Kinh tế vĩ mô nâng cao (15 tín chỉ) - Kinh tế và Chính sách Y tế - Sử dụng Kinh tế trong Chính phủ - Kinh tế bản sắc (15 tín chỉ) - Kinh tế lượng nâng cao (15 tín chỉ) <p>Ngoài ra, người học có thể chọn tối đa 30 trong số 90 tín chỉ tùy chọn từ các học phần cấp độ 7 ngoài danh sách học phần đã được chương trình phê duyệt, tùy thuộc vào sự chấp thuận của Giám đốc Chương trình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tài chính quốc tế cho phát triển - So sánh các chủ nghĩa tư bản trong nền kinh tế chính trị toàn cầu - Chính trị của tiền tệ và tài chính - Tạo ra một thế giới bền vững: Ứng dụng liên ngành của các mục tiêu phát triển bền vững - Xã hội học tiêu dùng - Chủ nghĩa tư bản châu Âu: Khủng hoảng, biến đổi và tranh chấp - Các cách tiếp cận quan trọng đối với kinh tế chính trị quốc tế - Các vấn đề chính trị trong môi trường và phát triển ... 	
--	--	---	--	--

BẢNG 5: ĐỐI SÁNH MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Nội dung đối sánh	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị Đại học Vinh	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội (NEU) (Định hướng ứng dụng)	Chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (Định hướng ứng dụng)	Nhận xét
<p>Mục tiêu CTD</p>	<p>Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị theo định hướng ứng dụng có kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về kinh tế chính trị; có khả năng vận dụng, phát triển kiến thức và kỹ năng để hình thành ý tưởng, hoạch định, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, đánh giá, điều chỉnh và đổi mới sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Bộ, Ban, Ngành, địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc đào tạo tiến sỹ trong nước và nước ngoài.</p>	<p>Chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Kinh tế chính trị nhằm trang bị cho học viên cao học kiến thức chuyên môn nâng cao và vận dụng vào công tác quản lý kinh tế, xã hội; có năng lực tư vấn, phân tích, đánh giá, hoạch định và tổ chức thực thi chính sách của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Bộ, Ban, Ngành, địa phương, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội; có bản lĩnh chính trị vững vàng và phẩm chất đạo đức tốt; Chương trình tạo môi trường cho học viên có khả năng nâng cao kiến thức và hoàn thiện phương pháp nghiên cứu để học tập chương trình đào tạo tiến sỹ chuyên ngành Kinh tế chính trị.</p>	<p>Đào tạo thạc sĩ kinh tế chính trị có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế chính trị hiện đại; có tầm nhìn và có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm tư vấn, tham gia quản lý trong các tổ chức kinh tế, chính trị và xã hội, hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp. Thạc sĩ Kinh tế chính trị có thể trở thành nghiên cứu viên ở các viện nghiên cứu kinh tế, chính trị, xã hội; có thể giảng dạy ở các trường đại học và cao đẳng.</p>	<p>Mục tiêu chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh cơ bản đồng nhất với chương trình của trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội và ĐH Kinh tế quốc dân</p>
<p>CHUẨN ĐẦU RA CTD</p>	<p>1. Chuẩn về kiến thức - PLO1.1.1: Áp dụng được các kiến thức chung về triết học, phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Kinh tế chính trị</p>	<p>1. Chuẩn về kiến thức - PLO1.1: Hiểu biết và vận dụng kiến thức nền tảng, cập nhật, hiện đại về các vấn đề kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị và công cụ phân tích tác động của bối cảnh kinh tế -</p>	<p>1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn - PLO1: Hiểu được những kiến thức triết học, với tư cách là nền tảng để người học hình</p>	<p>Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Đại học Vinh tương đối đồng nhất với chương trình của trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội và ĐH Kinh tế quốc dân</p>

	<p>- PLO1.1.2: Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị</p> <p>- PLO1.2.1: Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị</p> <p>2. Chuẩn về kĩ năng:</p> <p>- PLO2.1.1: Áp dụng được tư duy phân biện và kỹ năng giải quyết vấn đề</p> <p>- PLO2.1.2: Sử dụng kỹ năng chuyên đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Kinh tế chính trị</p> <p>- PLO2.2.1: Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị</p> <p>- PLO2.2.2: Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân</p> <p>- PLO3.1.1: Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn</p> <p>- PLO3.1.2: Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn</p> <p>- PLO3.2.1: Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.</p>	<p>xã hội trong nước, quốc tế đến hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế</p> <p>- PLO1.2: Sử dụng các kiến thức nâng cao, toàn diện và cập nhật về kinh tế và quản lý ngành, liên ngành để phân tích, đánh giá hoạt động của nền kinh tế</p> <p>- PLO1.3: Giải thích được những vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội và quy luật vận động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>- PLO1.4: Sử dụng các học thuyết hiện đại, chuyên sâu về kinh tế chính trị học vào phân tích thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; Phân tích và dự báo được tác động của bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế đến hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế.</p> <p>2. Chuẩn về kĩ năng:</p> <p>- PLO2.1: Có kỹ năng tốt trong phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin kết hợp với sử dụng thành thạo các công cụ từ cơ bản đến chuyên sâu trong phân tích kinh tế - xã hội để đưa ra các giải pháp nhằm giải quyết một cách khoa học đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.</p>	<p>thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học;</p> <p>- PLO2: Nắm vững những kiến thức tiếng Anh, với mức độ là cơ sở để người học tiếp tục tự học thêm để đạt trình độ tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được tiếng Anh trong nghiên cứu và trao đổi khoa học Kinh tế chính trị;</p> <p>- PLO3: Áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành và liên ngành để phân tích các vấn đề Kinh tế chính trị hiện đại;</p> <p>- PLO4: Áp dụng được các kiến thức chuyên sâu để giải quyết được các vấn đề Kinh tế chính trị hiện đại trong thực tiễn.</p> <p>2. Chuẩn về kĩ năng:</p> <p>2.1 Kỹ năng nghề nghiệp</p> <p>- PLO5: Có khả năng tư duy logic, tư duy hệ thống và liên ngành;</p> <p>- PLO6: Có khả năng giải</p>
--	---	--	---

<p>- PLO3.2.2: Áp dụng được các kỹ năng tiếng Anh phổ thông (bậc 4/6) và tiếng Anh chuyên ngành trong các hoạt động thực tiễn nghề nghiệp</p> <p>3. Năng lực CDIO</p> <p>- PLO 4.1.1: Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị</p> <p>- PLO 4.2: Hình thành ý tưởng-Thiết kế - Triển khai - Đánh giá các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị</p>	<p>- PLO2.2: Có khả năng làm việc độc lập kết hợp với kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và các ngành khác để phối hợp nhằm giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn đặt ra.</p> <p>- PLO2.3: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc.</p> <p>3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>- PLO3.1: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, khả năng đưa ra đề xuất những sáng kiến trong lĩnh vực khoa học kinh tế chính trị, đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn nghiệp vụ.</p> <p>- PLO3.2: Có khả năng quản lý, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao, đồng thời có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và năng lực dẫn dắt chuyên môn.</p>	<p>thích, truyền bá và tham gia triển khai thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách và luật pháp của nhà nước;</p> <p>- PLO7: Có năng lực phân tích và kiến nghị xử lý các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội dưới góc độ Kinh tế chính trị những vấn đề kinh tế - xã hội này sinh.</p> <p>2.2 Kỹ năng bổ trợ</p> <p>- PLO8: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm;</p> <p>- PLO9: Biết cách đàm phán, thuyết phục;</p> <p>- PLO10: Có kỹ năng viết và nói Tiếng Anh tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;</p> <p>- PLO11: Có thể sử dụng phần mềm thống kê như SPSS, Eviews hoặc STATA...</p> <p>3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>- PLO12: Có năng lực phát</p>	
--	---	--	--

hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; 6

- PLO13: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn;

- PLO14: Có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn, đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ;

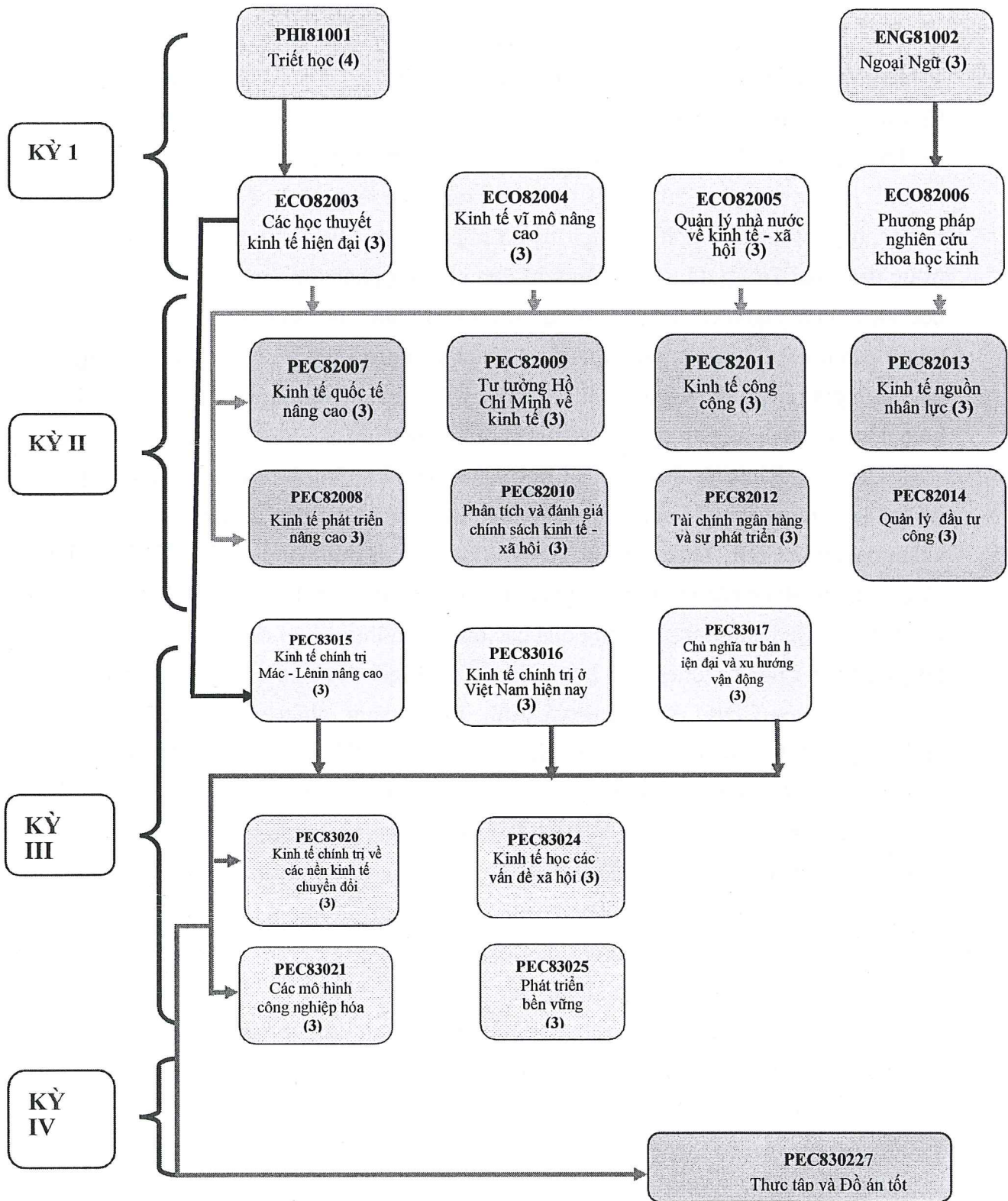
- PLO15: Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

3.4. Bảng phân nhiệm CDR CTĐT cho các CDR học phần

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH		CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ Chuyên ngành: Kinh tế chính trị										Lần ban hành: 01								
Mã học phần	Loại hình HP	CLO	Trọng số % của CLO	PLO																
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4	
		UD	%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	
		1.1.1.1	ĐTB	2.5	2.5	2.5	2.7	2.5	2.5	3.2	3.0	2.5	3.5	3.5	2.5	3.5	3.5	3.8	3.5	3.5
		1.1.1.2	5%	2.5																
		1.1.1.3	5%	2.5																
		1.1.1.4	10%	2.5																
		2.1.1.1	10%	2.5			2.5													
		2.2.1.1	15%						2.5											
		3.2.2.1	25%												2.5					
		3.2.2.2	25%												2.5					
		3.2.2.3	25%												2.5					
		3.2.2.4	25%												2.5					
		1.1.2.1	5%		2.5															
		1.1.2.2	5%		2.5															
		1.1.2.3	5%		2.5															
		1.1.2.4	5%		2.5															

Tự chọn 1									
PEC82007					PEC82008				
2.1.1.1.	10%				2.5				
2.1.2.1	40%			2.5					
2.1.1.1	10%					3.5			
4.2.2.1.	5%							3.5	
1.1.2.1.	3%	2.5							
1.1.2.2.	3%	2.5							
1.1.2.3.	2%	2.5							
1.1.2.4.	2%	2.5							
2.1.1.1.	10%			2.5					
2.2.1.1.	20%				3.5				
3.1.1.1.	5%					3.5			
3.2.1.1.	10%						3.5		
4.1.1.1.	10%							3.5	
4.2.1.1.	5%								3.5
1.1.2.1.	3%	2.5							
1.1.2.2.	3%	2.5							
1.1.2.3.	2%	2.5							
1.1.2.4.	2%	2.5							
2.1.1.1.	10%			2.5					
2.2.1.1.	20%				3.5				
3.1.1.1.	5%					3.5			
3.2.1.1.	10%						3.5		

3.5 Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học



	HP thuộc khối kiến thức chung		Thực tập & Đồ án TN (định hướng ứng dụng)
	HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)		Học phần tiên quyết
	HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (Tự chọn: 4/8 HP)		Học phần học trước
	HP thuộc khối kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)		
	HP thuộc khối kiến thức chuyên ngành (Tự chọn: 2/4 HP)		

3.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã được Trường Đại học Vinh tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Cũng như các chương trình khác, Chương trình thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Kể từ năm học 2017 - 2018, nhà trường áp dụng việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị đã nhấn mạnh đến phương pháp tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó, chú trọng hơn đến phương pháp dạy học phát triển năng lực học viên, nhấn mạnh các chuẩn đầu ra theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kỹ năng và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và giáo dục.

Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh đã có những hướng dẫn người học sử dụng các tổ hợp các nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Theo tiếp cận CDIO, học viên đã được học và thể hiện kiến thức, năng lực qua đồ án các môn học. Ngoài việc học tập trên lớp học, Ngành Kinh tế chính trị tổ chức thực hành thực tế thông qua các học phần thực tế tại đơn vị, địa phương rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho học viên để đánh giá được sự chuyển biến trong đời sống PPDH theo CDIO, khả năng và trình độ, kỹ năng, nhận thức nghề nghiệp của người học để điều chỉnh nội dung, chương trình và PPDH; bổ sung những kỹ năng nghiệp vụ cần trang bị cho người học; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp cho người học sau khi ra trường. Bên cạnh đó, Trường Kinh tế đã có nhiều hội thảo, trao đổi về đổi mới sáng tạo trong dạy và học theo tiếp cận CDIO. Ngoài ra, hàng năm các giảng viên Trường Kinh tế đã có những buổi seminar chuyên đề trao đổi các phương pháp giảng dạy đa dạng nhằm thực hiện có hiệu quả CTĐT; nghiên cứu học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu các kiến thức.

Các quy định, hướng dẫn, thay đổi chương trình dạy và học đều được cập nhật liên tục trên website của Khoa/Viện, Trường Đại học Vinh để các bạn HV được kịp thời nắm bắt, thay đổi cho phù hợp hoặc có vấn đề vướng mắc về chương trình học có thể hỏi đáp trực tuyến thông qua cổng thông tin này. Trong quá trình học tập, học viên và giảng viên được tương tác với nhau thông qua cổng thông tin học tập trực tuyến LMS, elearning.

Bảng 2.2. Ảnh xạ giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							
	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Thuyết trình	√	√					√	
Vấn đáp	√	√						
Hoạt động nhóm			√	√	√	√		
Nghiên cứu tình huống	√	√					√	√
Đóng vai			√	√	√	√		
Thực hành			√	√			√	√
Trò chơi			√	√	√	√		
Đồ án	√	√	√	√	√	√	√	√
Giải quyết vấn đề			√	√			√	√

Đối với các học phần giáo dục đại cương (chính trị, tiếng Anh), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, hoạt động nhóm. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, nghiên cứu các tình huống thực tiễn, giải quyết vấn đề và học dựa trên đồ án. Những hoạt động này nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và đánh giá các hoạt động thuộc lĩnh vực Kinh tế chính trị.

3.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Trên cơ sở Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Thông tư số 23 của Bộ GD - ĐT về đào tạo sau đại học, Trường Đại học Vinh đã Ban hành Quyết định 3662 ngày 29/12/2023 về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đối với đào tạo thạc sĩ. Trong đó đã quy định chi tiết về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của người học, thang điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần, cách tổ hợp điểm học phần. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng.

Đối với CTĐT tiếp cận CDIO, Nhà trường đã có những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng tăng cường đánh giá đúng năng lực, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng. Nhà trường đã có sự thay đổi trong đánh giá các học phần, cụ thể đưa thêm điểm đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) vào thành phần điểm đánh giá với trọng số 20% và giảm trọng số điểm thi cuối học phần từ 70% xuống 50%. Đồng thời, Nhà trường còn tổ chức các khóa tập huấn để hướng dẫn qui trình xây dựng ngân hàng đề thi và các hình thức đánh giá kết quả học tập cho người học nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác kiểm tra đánh

giá.

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR của CTĐT									
		1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2
Ý thức và thái độ học tập	Rubrics				√	√		√	√		
Thuyết trình nhóm	Rubrics				√	√	√	√		√	√
Thi thực hành máy tính	Đáp án	√	√	√	√						√
Thi trắc nghiệm khách quan	Đáp án	√	√	√					√		
Thi vấn đáp	Đáp án	√	√	√							
Báo cáo tiểu luận	Rubrics	√	√	√	√		√				√
Bảo vệ đồ án	Rubrics	√	√	√	√	√	√	√		√	√
Thi tự luận	Đáp án	√	√	√	√				√		

3.8. Mô tả tóm tắt các học phần

1. Các học thuyết kinh tế hiện đại/ECO82003/Bắt buộc 3

Mô tả học phần: Học phần Các học thuyết kinh tế hiện đại là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT ngành Kinh tế chính trị. Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu, nâng cao về các học thuyết kinh tế hiện đại. Giúp người học biết vận dụng các quan điểm và tư tưởng kinh tế vào phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế chính trị thực tiễn trong bối cảnh kinh tế hiện nay.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.1	Vận dụng được kiến thức nâng cao về triết học, các học thuyết kinh tế hiện đại và quản lý nhà nước vào phân tích, đánh giá trong lĩnh vực kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế chính trị.	2,5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích được bối cảnh và xu hướng vận động của nền kinh tế	3,5 {Mức 4}

2. Kinh tế vĩ mô nâng cao/ECO82004/Bắt buộc 4

Mô tả học phần: Học phần Kinh tế vĩ mô nâng cao là một học phần cơ sở ngành thuộc khối ngành Kinh tế và quản lý. Học phần này sẽ trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế học vĩ mô, các công cụ Nhà nước sử dụng để điều hành nền kinh tế. Đồng thời, người học có thể vận dụng các kiến thức để đề xuất giải pháp, hình thành những kỹ năng cần thiết để tham gia vào quá trình quản lý và đưa ra quyết định hiệu quả trong thực tiễn.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	2,5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}

3. Quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội/ECO82005/Bắt buộc 5

Mô tả học phần: Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế là một học phần cơ sở ngành thuộc khối ngành Kinh tế và quản lý. Học viên được trang bị kiến thức chuyên sâu về vai trò quan trọng của nhà nước trong quản lý kinh tế - xã hội, cách thức nhà nước sử dụng các công cụ, phương pháp quản lý để điều chỉnh hoạt động kinh tế - xã hội. Đồng thời, giúp người học phân tích được các nội dung về bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, hình thành những kỹ năng cần thiết để tham gia vào quá trình quản lý và đưa ra quyết định hiệu quả trong thực tiễn.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.1.	Vận dụng được kiến thức nâng cao về triết học, các học thuyết kinh tế hiện đại và quản lý nhà nước vào phân tích, đánh giá trong lĩnh vực kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.2.1.	Vận dụng được tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin và sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}

2.2.2.	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia, có chính kiến, tự chủ, tự chịu trách nhiệm với những kết luận chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
3.1.2.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế chính trị	3,5 {Mức 3}
4.2.1.	Hình thành và thiết lập ý tưởng giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị	3,5 {Mức 3}

4. Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế/ECO82006/Bắt buộc 6

Mô tả học phần: Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế sẽ giúp học viên nhận dạng, xây dựng và phát triển vấn đề nghiên cứu, thiết kế một khung nghiên cứu để giải quyết vấn đề, chuyển vấn đề nghiên cứu thành câu hỏi nghiên cứu, thu thập và phân tích số liệu và cuối cùng là viết báo cáo nghiên cứu. Học viên sẽ học nhiều cách thức khác nhau để tiến hành nghiên cứu và sẽ ảnh hưởng đến cách thức giải quyết vấn đề. Do đó kết quả nghiên cứu không thể giải thích toàn bộ, nó chỉ mang giá trị giải thích một phần hiện thực. Thực hiện một nghiên cứu khoa học thực tế là cách tốt nhất để học môn học này.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được kiến thức nâng cao lý thuyết kinh tế và kiến thức liên ngành ở cấp độ nền kinh tế, vùng, ngành, lĩnh vực và địa phương trong thực tiễn lĩnh vực kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế chính trị	2,0 {Mức 3}
2.1.2	Vận dụng kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}

5. Kinh tế chính trị Mác - Lênin nâng cao/PEC83015/Bắt buộc 7

Mô tả học phần: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lê nin nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị). Học phần trang bị những kiến thức chuyên sâu về Kinh tế chính trị Mác - Lênin giúp học viên rút ra ý nghĩa lý luận và thực tiễn cũng như các bài học kinh nghiệm để áp dụng vào thực tiễn công tác. Dưới hình thức giảng dạy dự án, học phần rèn luyện, bồi dưỡng một số kỹ năng cần thiết cho học viên vận dụng lý luận Kinh tế chính trị Mác – Lênin vào phát triển kinh tế cho địa phương/ngành và đất nước, bồi dưỡng cho học viên năng lực tự thích nghi, tự định hướng cũng như năng lực

lãnh đạo, hướng dẫn; đồng thời góp phần củng cố niềm tin khoa học về chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	2,5 {Mức 3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề.	2,5 {Mức 3}
2.2.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	2,5 {Mức 3}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn.	3,5 {Mức 4}
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3.	Triển khai được các ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

6. Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay/PEC83016/Bắt buộc 8

Mô tả học phần: Học phần *Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay* thuộc nhóm học phần đồ án chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế chính trị trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về Kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Dưới hình thức giảng dạy dự án, học phần rèn luyện, bồi dưỡng học viên phát triển các kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo nhóm, sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị. Trên cơ sở đó, phân tích, đánh giá và phát triển các vấn đề Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {Mức 3}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {Mức 4}
3.1.2.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3,5 {Mức 4}
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị một cách khoa học	3,5 {Mức 4}
4.2.3.	Triển khai được các ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {Mức 4}

7. Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động/PEC83017/Bắt buộc 9

Mô tả học phần: *Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị. Môn học này cung cấp những kiến thức chuyên sâu về chủ nghĩa tư bản hiện đại (CNTB HD) dưới hình thức giảng dạy dự án. Qua đó, giúp học viên hiểu rõ đặc trưng, bản chất và quá trình vận động kinh tế của CNTB hiện đại, từ đó củng cố niềm tin khoa học về chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Đồng thời, góp phần bồi dưỡng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo nhóm và kỹ năng giao tiếp cho người học. Đặc biệt, là học phần được tổ chức dưới hình thức giảng dạy dự án nên học phần này góp phần rèn luyện các kỹ năng C-D-I-O cho người học (Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai – Vận hành).

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung
-----	---	---------------

		bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2.5 {Mức 3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2.5 {Mức 3}
3.1.2.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3.5 {Mức 4}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3.5 {Mức 4}
4.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3.5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3.5 {Mức 4}
4.2.2	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị một cách khoa học	3.5 {Mức 4}
4.2.3	Triển khai được các ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3.5 {Mức 4}
4.2.4	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị và đưa ra các giải pháp cải tiến	3.5 {Mức 4}

8. Kinh tế quốc tế nâng cao/PEC82007/Tự chọn 1

Mô tả học phần: Học phần Kinh tế quốc tế nâng cao thuộc phần kiến thức tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế chính trị trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về các quan hệ kinh tế quốc tế; những lý luận về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế kinh tế quốc tế. Vận dụng các kiến thức đó vào giải quyết có hiệu quả các vấn đề thực tiễn kinh tế quốc tế.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {Mức 4}

3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}

9. Kinh tế phát triển nâng cao/ PEC82008/Tự chọn 1

Mô tả học phần: Học phần *Kinh tế phát triển nâng cao* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức khái quát về phát triển kinh tế và hình thành cho người học một số kỹ năng cần thiết; nhận diện ~~tổng quan~~ về sự phát triển kinh tế của địa phương/quốc gia. Học viên được trải nghiệm thực tế của địa phương, nhận thức đúng về sự phát triển và có kế hoạch để góp phần xây dựng phát triển địa phương đáp ứng với bối cảnh xu hướng nền kinh tế toàn cầu.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực kinh tế	2,5 {Mức 3}
2.1.1	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế	2,5 {Mức 3}
3.1.1	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {Mức 4}
3.2.1	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực kinh tế.	3,5 {Mức 4}
4.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế	3,5 {Mức 4}
4.2.1	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế	3,5 {Mức 4}

10. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế/ PEC82009/Tự chọn 2

Mô tả học phần: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế* cung cấp cho người học những vấn đề chung trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế và sự vận dụng của Đảng cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Qua đó, giúp học viên có lập trường tư

tương vững vàng, có tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề khi nhìn nhận và giải quyết các vấn đề kinh tế của đất nước trong điều kiện toàn cầu hóa, cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ và nền kinh tế nước ta đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế khu vực và thế giới.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2.5 {Mức 3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2.5 {Mức 3}
4.1.1	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3.5 {Mức 4}

11. Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội/ PEC82010/Tự chọn 2

Mô tả học phần: Học phần *Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế chính trị trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về chính sách kinh tế - xã hội, phân tích, đánh giá và lựa chọn chính sách hợp lý để giải quyết các vấn đề Kinh tế chính trị trong thực tiễn. Thông qua mô hình dạy học kết hợp, học phần còn giúp học viên phát triển các kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, tổng hợp, sáng tạo và đánh giá thông tin, dữ liệu, kỹ năng làm việc độc lập, hợp tác hiệu quả với các bên liên quan. Trên cơ sở đó, áp dụng các kiến thức và kỹ năng cần thiết để đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề chính sách trong thực tiễn.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {Mức 3}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}

12. Kinh tế công cộng/ PEC82011/Tự chọn 3

Mô tả học phần: Học phần Kinh tế công cộng thuộc phần kiến thức tự chọn trong

chương trình đào tạo ngành Kinh tế chính trị trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về khu vực công và các vấn đề kinh tế công cộng; những lý luận về chi tiêu công, các chương trình chi tiêu và thuế. Vận dụng các kiến thức đó vào giải quyết có hiệu quả các vấn đề thực tiễn kinh tế công cộng.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.2	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}

13. Tài chính ngân hàng và sự phát triển/ PEC82012/Tự chọn 3

Mô tả học phần: Học phần tài chính ngân hàng và sự phát triển là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế chính trị trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về tài chính công, tài chính doanh nghiệp, trung gian tài chính, ngân hàng trung ương và hệ thống tài chính. Vận dụng các kiến thức đó vào giải quyết có hiệu quả các vấn đề thực tiễn tài chính ngân hàng và sự phát triển. Có năng lực đánh giá các hoạt động tài chính ngân hàng và sự phát triển, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.2.	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.2.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}

14. Kinh tế nguồn nhân lực/ PEC82013/Tự chọn 4

Mô tả học phần: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản được thiết kế

nhằm nâng cao việc nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố con người và việc quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của một quốc gia. Nội dung của học phần giúp học viên nhận thức về tầm quan trọng của yếu tố con người và việc quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của một quốc gia, cung cấp những kiến thức bổ trợ giúp học viên nghiên cứu sâu những nội dung trong chuyên ngành Kinh tế chính trị như lao động, sức lao động, tiền lương...

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.2	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.2.1	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.2.2	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	2,5 {Mức 3}

15. Quản lý đầu tư công/ PEC82013/Tự chọn 4

Mô tả học phần: Học phần *Quản lý đầu tư công* là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế chính trị trình độ thạc sĩ. Học phần trang bị cho học viên các kiến thức chuyên sâu về quản lý đầu tư công. Người học có thể hình thành các kỹ năng chuyển đổi số trong quản lý đầu tư công, thể hiện được đạo đức nghề nghiệp và khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2.	Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.2.	Sử dụng kỹ năng chuyển đổi số và các công nghệ số trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.2.1.	Thể hiện đạo đức, trách nhiệm, công bằng và hành xử chuyên nghiệp trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.2.2.	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	2,5 {Mức 3}

16. Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi/PEC83020/Tự chọn 5

Mô tả học phần: *Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi* là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị. Nội dung của học phần tập trung nghiên cứu các nền kinh tế chuyển đổi từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường, bao gồm những vấn đề kinh tế chính trị cơ bản như sự thay đổi trong quan hệ sở hữu, phát triển các yếu tố thị trường, vai trò kinh tế của Nhà nước, hội nhập kinh tế quốc tế.... Thông qua hình thức giảng dạy đồ án/dự án, học phần cung cấp cho học viên những kiến thức, luận cứ quan trọng để phân tích những diễn biến kinh tế ở các nền kinh tế chuyển đổi, trên cơ sở đó hình thành và bồi dưỡng năng lực đánh giá, vận dụng giải quyết các vấn đề kinh tế chính trị ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {Mức 3}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {Mức 4}
3.1.2.	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3,5 {Mức 4}
3.2.1.	Sử dụng được hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị một cách khoa học	3,5 {Mức 4}
4.2.3.	Triển khai được các vấn đề ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {Mức 4}

17. Các mô hình công nghiệp hóa/ PEC83021/Tự chọn 5

Mô tả học phần: Học phần *Các mô hình công nghiệp hóa* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị. Học phần này cung cấp những kiến thức chuyên sâu về công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa giúp học viên rút ra ý nghĩa lý luận và thực tiễn cũng như các bài học kinh nghiệm để áp dụng vào thực tiễn công tác. Dưới hình thức giảng dạy dự án, học phần rèn luyện, bồi dưỡng một số kỹ năng cần thiết, giúp học viên có phương pháp nghiên cứu, tiếp cận vấn đề một cách khoa học và có kỹ năng xây dựng/vận dụng/triển khai các mô hình công nghiệp hóa vào thực tiễn, góp phần đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH địa phương/ngành và đất nước, từ đó phát triển nền kinh tế theo hướng bền vững.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	2,5 {Mức 3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề.	2,5 {Mức 3}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn.	3,5 {Mức 4}
3.1.2	Vận dụng được kỹ năng lãnh đạo nhóm để quản lý các hoạt động chuyên môn	3,5 {Mức 4}
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị một cách khoa học.	3,5 {Mức 4}
4.2.3.	Triển khai được các ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị và đưa ra các giải pháp cải tiến.	3,5 {Mức 4}

18. Kinh tế học các vấn đề xã hội/ PEC83024/Tự chọn 6

Mô tả học phần: Học phần *Kinh tế học các vấn đề xã hội* thuộc nhóm học phần đề án chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế chính trị

trình độ thạc sĩ. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các vấn đề xã hội dưới hình thức dạy học dự án. Qua đó, giúp học viên hiểu rõ những nội dung, quan điểm của kinh tế học về các vấn đề xã hội và đưa ra được những định hướng, giải pháp để tiếp tục thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam. Đồng thời, góp phần phát triển các kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo nhóm cho người học.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {Mức 3}
2.2.2.	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	2,5 {Mức 3}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {Mức 4}
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị một cách khoa học	3,5 {Mức 4}
4.2.3.	Triển khai được các ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {Mức 4}

19. Phát triển bền vững/ PEC83025/Tự chọn 6

Mô tả học phần: Học phần *Phát triển bền vững* thuộc nhóm học phần đồ án chuyên ngành tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế chính trị trình độ thạc sĩ. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về phát triển bền vững dưới hình thức dạy học dự án. Qua đó, giúp học viên hiểu rõ những nội dung, quan điểm phát triển bền vững, những kết quả và bài học kinh nghiệm, xác định rõ những cơ hội, thách thức và đưa ra được những định hướng, giải pháp để tiếp tục thực hiện

mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam. Đồng thời, góp phần phát triển các kỹ năng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lãnh đạo nhóm cho người học.

Phân nhiệm Chuẩn đầu ra CTĐT cho học phần:

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm NL trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.2.1.	Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	2,5 {Mức 3}
2.1.1.	Áp dụng được tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề	2,5 {Mức 3}
2.2.2.	Thể hiện khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân	2,5 {Mức 3}
3.1.1.	Thành thạo làm việc nhóm trong giải quyết các vấn đề hoạt động chuyên môn	3,5 {Mức 4}
3.2.1.	Sử dụng hiệu quả các hình thức giao tiếp để truyền đạt tri thức và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực Kinh tế chính trị.	3,5 {Mức 4}
4.1.1.	Phân tích được số liệu về bối cảnh để rút ra tính cấp thiết cho các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.1.	Đề xuất được các vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.2.	Thiết kế được các bước triển khai vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị một cách khoa học	3,5 {Mức 4}
4.2.3.	Triển khai được các ứng dụng và rút ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kinh tế chính trị	3,5 {Mức 4}
4.2.4.	Đánh giá các kết quả ứng dụng trong lĩnh vực Kinh tế chính trị và đưa ra các giải pháp cải tiến	3,5 {Mức 4}

20. Thực tập tốt nghiệp và đồ án

Thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của học viên, giúp đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực của học viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học phần yêu cầu học viên đến thực tập tại một tổ chức/doanh nghiệp cụ thể trong thời gian 20 tuần. Học viên cần chọn một vấn đề liên quan tới thực tiễn các bản đề thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị của tổ chức/doanh nghiệp đó để nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng vấn đề và các yếu tố ảnh hưởng đến các việc giải quyết các vấn đề này, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp.

Tham gia học phần này, học viên được hướng dẫn tìm hiểu thực tiễn hoạt động thực tiễn của một tổ chức/doanh nghiệp, xác định các vấn đề thuộc lĩnh vực nghiên cứu mà tổ chức/doanh nghiệp đang gặp phải và tìm cách thức giải quyết những vấn đề

này. Trong suốt quá trình thực tập, học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại tổ chức/doanh nghiệp. Kết thúc học phần, học viên phải viết được đề án tốt nghiệp và thuyết trình cá nhân trước Hội đồng đánh giá về đề án mô tả thực trạng hoạt động và các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị của tổ chức/doanh nghiệp mà người học đã thực tập thực tế, đồng thời đưa ra được các giải pháp cho các vấn đề nói trên.

PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ

Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế chính trị trình độ thạc sĩ của Khoa Kinh tế

TT	Họ và tên, năm sinh, Chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSDT)	Thành tích NCKH	Tham gia giảng dạy học phần
1	Đỗ Thị Phi Hoài Năm sinh: 1962 Giảng viên Khoa Quản trị kinh doanh Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	PGS 2009	TS. 2003	Kinh tế quản lý và KHH kinh tế quốc dân	Đã tham gia đào tạo Ths. 18 năm.	Chủ nhiệm và tham gia 03 các cấp, Chủ biên và tham gia 7 cuốn sách, 25 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế	- Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kinh tế học các vấn đề xã hội
2	Thái Thị Kim Oanh Năm sinh: 1979 Hiệu trưởng Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	PGS 2021	TS. Việt Nam 2015	Quản lý kinh tế	Đã tham gia đào tạo Ths. 8 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 04 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Trường Viết 03 giáo trình và 36 bài báo khoa học	- Quản lý nhà nước về kinh tế xã hội - Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
3	Nguyễn Thị Minh Phượng Năm sinh: 1978 Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	PGS 2020	TS. Việt Nam 2012	Kinh tế phát triển	Đã tham gia đào tạo Ths. 9 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Tỉnh, 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 02 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài cấp tỉnh. Viết 2 sách, 02 giáo trình	- Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế - Kinh tế phát triển nâng cao - Kinh tế vĩ mô

									<p>và 34 bài báo khoa học</p>	<p>nâng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế học các vấn đề xã hội - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
4	<p>Trần Thị Hoàng Mai Năm sinh: 1979 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế Trường Đại học Vinh</p>	<p>PGS 2022</p>	<p>TS. Việt Nam 2016</p>	<p>Quản lý kinh tế</p>	<p>Đã tham gia đào tạo Ths. 5 năm, Trường ĐH Vinh</p>	<p>Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Trường. Viết 02 giáo trình và 16 bài báo khoa học</p>	<p>Quản lý nhà nước về kinh tế xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp 			
5	<p>Nguyễn Thị Hải Yến Năm sinh: 1982 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế Trường Đại học Vinh</p>	<p>GVC</p>	<p>TS. Việt Nam 2018</p>	<p>Kinh tế chính trị</p>	<p>Đã tham gia đào tạo Ths. 5 năm, Trường ĐH Vinh</p>	<p>Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Trường, 01 đề tài cấp bộ Viết 02 giáo trình, 03 sách và 18 bài báo khoa học</p>	<p>Kinh tế chính trị Mác - Lênin nâng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển bền vững - Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp 			
6	<p>Nguyễn Thị Bích Liên Năm sinh: 1982 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế Trường Đại học Vinh</p>	<p>GVC</p>	<p>TS. Việt Nam 2017</p>	<p>Kinh tế phát triển</p>	<p>Đã tham gia đào tạo Ths. 4 năm, Trường ĐH Vinh</p>	<p>Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình</p>	<p>Kinh tế quốc tế nâng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế công cộng - Kinh tế vĩ mô 			

									<p> và 19 bài báo khoa học</p>	<p>nâng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp - Quản lý nhà nước về kinh tế xã hội - Kinh tế học các vấn đề xã hội - Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi
7	<p>Nguyễn Thị Thúy Quỳnh</p> <p>Năm sinh: 1983</p> <p>Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế Trường Đại học Vinh</p>		GVC	<p>TS.</p> <p>Việt Nam</p> <p>2017</p>	<p>Quản lý kinh tế</p>	<p>Đã tham gia đào tạo ThS. 4 năm, Trường ĐH Vinh</p>	<p>Chủ nhiệm 04 đề tài cấp Trường,</p> <p>Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh,</p> <p>Viết 02 sách, 02 giáo trình và 20 bài báo khoa học</p>	<p>Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường,</p> <p>Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh,</p> <p>Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý đầu tư công - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp - Kinh tế học các vấn đề xã hội 	
8	<p>Lê Vũ Sao Mai</p> <p>Năm sinh: 1983</p> <p>Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế Trường Đại học Vinh</p>		GVC	<p>TS.</p> <p>Việt Nam</p> <p>2019</p>	<p>Kinh tế đầu tư</p>	<p>Đã tham gia đào tạo ThS. 3 năm, Trường ĐH Vinh</p>	<p>Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường,</p> <p>Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh,</p> <p>Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học</p>	<p>Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 07 đề tài cấp Trường;</p> <p>Viết 5 sách tham khảo, 05 giáo trình và 60 bài báo khoa học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các học thuyết kinh tế hiện đại - Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động - Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi 	
9	<p>Đình Trung Thành</p> <p>Năm sinh: 1970</p> <p>Giám đốc TTGDIX, Trường Đại học Vinh</p>		PGS, 2017	<p>TS.</p> <p>Việt Nam,</p> <p>2009</p>	<p>Kinh tế chính trị</p>	<p>Đã tham gia đào tạo ThS. 12 năm, Trường ĐH Vinh</p>	<p>Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 07 đề tài cấp Trường;</p> <p>Viết 5 sách tham khảo, 05 giáo trình và 60 bài báo khoa học.</p>	<p>Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 07 đề tài cấp Trường;</p> <p>Viết 5 sách tham khảo, 05 giáo trình và 60 bài báo khoa học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các học thuyết kinh tế hiện đại - Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động - Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi 	
10	<p>Đào Quang Thắng</p>		GVC	<p>TS.</p>	<p>Quản lý kinh tế</p>	<p>Đã tham gia</p>	<p>Chủ nhiệm 01 đề tài cấp</p>	<p>Chủ nhiệm 01 đề tài cấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nhà nước 	

	Năm sinh: 1979 Phòng Đào tạo, Trường Đại học Vinh		Việt Nam 2019	tế	đào tạo ThS. 3 năm, Trường ĐH Vinh	trường, tham gia 01 đề tài cấp trường; Viết 03 giáo trình và 23 bài báo khoa học	về kinh tế xã hội - Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế - xã hội - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
11	Nguyễn Thị Thúy Vinh Năm sinh: 1977 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2014	Kinh tế phát triển	Đã tham gia đào tạo ThS. 8 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường. Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp Trường; Viết 01 sách, 01 giáo trình và 11 bài báo khoa học	- Kinh tế phát triển nâng cao - Kinh tế công cộng - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
12	Hồ Thị Diệu Ánh Năm sinh: 1979 Trường Khoa QTKD, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	PGS 2023	TS. Việt Nam 2015	Quản trị nhân lực	Đã tham gia đào tạo Ths. 6 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Bộ, Viết 02 giáo trình và 15 bài báo khoa học	- Kinh tế nguồn nhân lực - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
13	Trần Thị Thanh Tâm Năm sinh: 1987 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2021	Kinh tế học	Đã tham gia đào tạo ThS. gần 2 năm, Trường ĐH Vinh	Tham gia 03 đề tài cấp trường; viết 01 giáo trình và 13 bài báo khoa học	- Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế - Kinh tế quốc tế nâng cao

14	Trần Thị Thanh Thủy Năm sinh: 1983 Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2020	Kinh tế học (Kinh tế phát triển)	Đã tham gia đào tạo ThS. 2 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp trường, tham gia 07 đề tài cấp trường; 01 giáo trình, 03 sách và 18 bài báo khoa học	- Kinh tế chính trị Mác - Lênin nâng cao - Quản lý đầu tư công - Các mô hình công nghiệp hóa
15	Nguyễn Thị Thu Cúc Năm sinh: 1978 Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Vinh	PGS 2021	TS. Việt Nam 2015	Tài chính	Đã tham gia đào tạo ThS. 6 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 03 đề tài cấp Bộ, viết 01 cuốn giáo trình, 18 bài báo khoa học	- Tài chính ngân hàng và sự phát triển - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
16	Đặng Thành Cường Năm sinh: 1980 Trưởng Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2012	Tài chính	Đã tham gia đào tạo ThS. 7 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Viết 01 giáo trình, 12 bài báo khoa học	- Tài chính ngân hàng và sự phát triển - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
17	Trần Văn Hào Giảng viên khoa QTKD, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GV	TS. Việt Nam 2023	Quản trị kinh doanh	Đã tham gia đào tạo ThS. 1 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường Viết 01 giáo trình, và 15 bài báo khoa học	- Kinh tế nguồn nhân lực - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
18	Trần Quang Bách Năm sinh: 1983	GVC	TS. Việt Nam	Quản trị kinh doanh	Đã tham gia đào tạo ThS.	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, Chủ nhiệm 02 đề tài	- Kinh tế nguồn nhân lực

19	Phó Trường khoa QTKD, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh Nguyễn Đăng Đức	GV	2021	tổng hợp	2 năm, Trường ĐH Vinh Đã tham gia đào tạo Ths. 1 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường Viết 17 bài báo khoa học	- Thực tập và Đồ án tốt nghiệp - Các mô hình công nghiệp hóa - Phát triển bền vững - Các học thuyết kinh tế hiện đại - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
20	Hoàng Thị Cẩm Thương Năm sinh: 1987 Giảng viên khoa QTKD, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2023	Quản trị kinh doanh	Đã tham gia đào tạo Ths. 1 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường Viết 02 giáo trình, và 12 bài báo khoa học	- Kinh tế nguồn nhân lực - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
21	Trần Thị Lê Na Năm sinh: 1983 Phó Trường khoa QTKD, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2021	Quản trị kinh doanh tổng hợp	Đã tham gia đào tạo Ths. 2 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường, Viết 02 giáo trình và 15 bài báo khoa học	- Kinh tế nguồn nhân lực - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
22	Ngô Hồng Nhung Năm sinh: 1986	GV	TS. Việt Nam	Tài chính	Đã tham gia đào tạo Ths.	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường,	- Tài chính ngân hàng và sự phát

	Giảng viên Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh		2018			3 năm, Trường ĐH Vinh	Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học	triển - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp
23	Hồ Mỹ Hạnh Năm sinh: 1977 Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2014	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 7 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Trường. Viết 1 sách, 3 giáo trình và 12 bài báo khoa học	- Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế - Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	
24	Phạm Thị Thúy Hằng Năm sinh: 1983 Giảng viên Kế toán Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2015	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 6 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường. Tham gia 02 đề tài cấp Tỉnh Viết 02 sách, 01 giáo trình và 21 bài báo khoa học	- Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	
25	TS. Đường Thị Quỳnh Liên Năm sinh: 1979 Giảng viên Khoa khoa Kế toán Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	GVC	TS. Việt Nam 2018	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 3 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học	- Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	
26	Nguyễn Thị Thanh Hòa Năm sinh: 1981 Trưởng khoa Kế toán Trường Kinh tế,	GVC	TS. Việt Nam 2018	Kế toán	Đã tham gia đào tạo Ths. 3 năm, Trường ĐH Vinh	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường, Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình	- Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	

32	<p>Năm sinh: 1986 Giảng viên, khoa Kế toán Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh</p> <p>Nguyễn Thị Hải Yến Năm sinh: 1982 Giảng viên, Khoa Giáo dục chính trị, Trường sư phạm, Trường Đại học Vinh</p>	GVC	2019	Kinh tế chính trị	<p>2 năm, Trường ĐH Vinh</p> <p>Đã tham gia đào tạo Ths. 4 năm, Trường ĐH Vinh</p>	<p>Tham gia 01 đề tài cấp Tỉnh, Viết 02 sách, 02 giáo trình và 19 bài báo khoa học</p> <p>Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Trường Viết 01 sách, 01 giáo trình và 15 bài báo khoa học</p>	<p>- Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế</p> <p>- Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi</p> <p>- Kinh tế chính trị ở Việt Nam hiện nay</p>
33	<p>Nguyễn Thị Mỹ Hương Năm sinh: 1975 Giảng viên, Khoa Giáo dục chính trị, Trường sư phạm, Trường Đại học Vinh</p>	GVC	2022	Kinh tế chính trị	<p>Đã tham gia đào tạo Ths. 2 năm, Trường ĐH Vinh</p>	<p>Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Trường Viết 02 sách, 02 giáo trình và 20 bài báo khoa học</p>	<p>- Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế</p> <p>- Chủ nghĩa tư bản hiện đại và xu hướng vận động</p> <p>- Kinh tế chính trị Mác – Lênin nâng cao</p>

PHẦN 5. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Trường Đại học Vinh có Cơ sở chính tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập.

Quy hoạch đất để xây dựng Trường đã được phê duyệt là 130 ha, trong đó diện tích đã được xây dựng và đưa vào sử dụng là 44,12 ha.

Hiện nay, Trường có 5 cơ sở:

+ *Cơ sở 1* tại số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 14 ha. Đây là nơi tập trung hệ thống quản lý nhà trường, văn phòng làm việc của các đơn vị trong trường, hệ thống phòng học, các phòng thí nghiệm - thực hành, thư viện, ký túc xá, trạm y tế, sân vận động, nhà tập đa năng...

+ *Cơ sở 2*: Hiện tại là nơi đào tạo của Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Khoa Giáo dục Thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh, Làng sinh viên tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với diện tích đã đưa vào sử dụng là 19,2 ha.

+ *Cơ sở 3*: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn - lợ tại xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích 9,3 ha.

+ *Cơ sở 4*: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt tại thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích 1,4 ha.

+ *Cơ sở 5*: Khu Ký túc xá sinh viên tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích 0,6 ha.

Trường Đại học Vinh được đánh giá là cơ sở giáo dục đại học có cơ sở vật chất vào tốp đầu của cả nước. Trường có: 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 50 đến 100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện; 78 phòng làm việc của các đơn vị chức năng; 14 phòng làm việc của GS, PGS, giảng viên cơ hữu; 2 thư viện, trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ tiện nghi cho giảng dạy và học tập.

Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào là thư viện lớn nhất khu vực Bắc miền Trung, là một tòa nhà 7 tầng với diện tích sàn gần 9.000 m² gồm không gian học tập tầng 1, 6 phòng học, 1 phòng xử án mô phỏng, 3 phòng máy tính, 8 kho sách và phòng đọc với gần 1.500 chỗ ngồi. Thư viện hiện nay có hệ thống mượn - trả sách tự động; hệ thống trả sách 24/7; hệ thống máy tính; phần mềm quản lý thư viện Kipos;

máy scan - số hóa. Không gian học tập với đầy đủ các phương tiện hiện đại, máy tính kết nối mạng cho sinh viên tự học, đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO. Tài liệu gồm có 16.118 tên với 175.095 cuốn; 16.191 luận văn thạc sĩ và 4.652 luận án tiến sĩ. Thư viện số tại địa chỉ <http://thuvien.vinhuni.edu.vn/> cung cấp 21.021 tài liệu; trong đó tạp chí khoa học nước ngoài có thể truy cập cơ sở dữ liệu điện tử Proquest Center và các cơ sở dữ liệu điện tử khác có liên kết.

Trường có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, bao gồm: Hệ thống hạ tầng mạng gồm trục kết nối 15 tòa nhà bằng 5 đường truyền với độ dài gần 10km đảm bảo tốc độ kết nối 1Gbps cho hơn 1.000 máy tính của Nhà trường. Hệ thống mạng wifi với hơn 250 điểm truy cập được lắp đặt trong khuôn viên Nhà trường, các phòng học, phòng thí nghiệm, sân chơi, bãi tập, ký túc xá... hiện đang phục vụ miễn phí cho cán bộ và sinh viên. Hệ thống camera được lắp đặt tại các vị trí, góp phần đảm bảo công tác an ninh, trật tự trong Nhà trường.

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm với 50 phòng thí nghiệm được quy hoạch phù hợp với các ngành đào tạo theo tiếp cận CDIO, trang thiết bị hiện đại, được bổ sung thường xuyên. Ngoài ra, Trường còn có xưởng thực tập, thực hành hiện đại; phòng thực hành nhạc họa; vườn ươm, ao nuôi thực nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Đặc biệt, Trường Đại học Vinh đã xây dựng được hệ thống các "*phòng thí nghiệm phổ thông*" khá hoàn chỉnh để phục vụ đào tạo sinh viên khối ngành đào tạo giáo viên.

Ký túc xá sinh viên có 775 phòng ở, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho hơn 4.200 học sinh, sinh viên, học viên; trong đó: Ký túc xá Cơ sở I có 315 phòng ở; Khu nhà ở Hưng Bình có 136 phòng ở; Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh có 84 phòng ở và Làng Sinh viên Cơ sở II có 240 phòng ở. Cơ sở vật chất tại Ký túc xá được đầu tư khang trang, sạch đẹp, các phòng đều có máy nước nóng lạnh, điều hòa nhiệt độ... an ninh trật tự được đảm bảo.

Trạm Y tế của Trường được bố trí khuôn viên riêng, có 8 phòng làm việc với đội ngũ 11 y, bác sĩ, với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và thuốc, vật tư y tế đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám, chữa bệnh cho cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên trong Trường.

Nhà ăn cho cán bộ, sinh viên được xây dựng, tổ chức ở cả Cơ sở I và Cơ sở II của Nhà trường, phục vụ chủ yếu cho hơn 1.000 sinh viên ở tập trung trong các Ký túc xá sinh viên. Nhà ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng suất ăn, khẩu phần ăn của sinh viên theo quy định; niêm yết thực đơn bữa ăn của từng ngày, giá cả đồ dùng sinh hoạt thiết yếu, văn phòng phẩm phục vụ sinh viên tại các quầy bán hàng.

Ngoài cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu, sinh hoạt, Nhà trường còn có hệ thống sân chơi, bãi tập phục vụ đào tạo ngành Giáo dục Thể chất và môn Thể dục thể thao cho sinh viên toàn Trường. Đây cũng là nơi tổ chức các giải thể thao của cán bộ, sinh viên; nơi để cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh rèn luyện thể chất, rèn luyện sức khỏe.

(2). Hiện tại, Thư viện có kết nối các bộ cơ sở dữ liệu để phục vụ hoạt động đào tạo của Nhà trường gồm: STD - Tài liệu KH&CN Việt Nam; KQNC - Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu; PROQUEST CENTRAL; IG Publishing, bộ sưu tập sách điện tử về Giáo dục và các chủ đề đa ngành có liên quan (khai thác tại các máy tính trong hệ thống mạng của Trường Đại học Vinh); CSDL InfoSci, bộ sưu tập trên 300 sách điện tử về Giáo dục và các chủ đề đa ngành có liên quan (khai thác tại các máy tính trong hệ thống mạng của Trường Đại học Vinh); CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - <https://lic.vnu.edu.vn> (Username: vinhuni.lib; Pass: libnth); CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ; CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN HÀ NỘI - CSDL điện tử đa ngành: <https://journals.sagepub.com>; CSDL chuyên ngành KT: <https://www.emerald.com>; Cơ sở dữ liệu tài nguyên thông tin TAILIEU.VN; Cơ sở dữ liệu tài nguyên số trên hệ thống Thư viện số dùng chung thuộc Hiệp Hội Thư viện đại học, cao đẳng Việt Nam.

(3). Thư viện đã xây dựng tập văn bản nội bộ quy định về việc sử dụng, khai thác cơ sở vật chất trang thiết bị và hệ thống Thư viện điện tử/Thư viện số

(4). Số lượt bạn đọc đến học tập và nghiên cứu thư viện truyền thống từ: 500-800 lượt/ngày; Số lượt bạn đọc khai thác tài nguyên thư viện số từ: 200-500 lượt/ngày

(5). Thư viện sử dụng phần mềm quản trị Thư viện điện tử/Thư viện số - KIPOS có các tính năng mượn/trả, gia hạn mượn tài liệu trực tuyến đáp ứng nhu cầu bạn đọc.

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
1	Phòng học	282
2	Phòng học có máy chiếu	192
3	Phòng học tiếng nước ngoài	8
4	Phòng học máy tính	18
5	Phòng học có kết nối trực tuyến	57
6	Phòng học online	16
7	Phòng thực hành thí nghiệm	76

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
8	Phòng làm việc	68
9	Phòng seminar và sinh hoạt bộ môn	Mỗi khoa có 1 phòng
10	Phòng họp	Có 2 phòng họp lớn
11	Hội trường	1 hội trường lớn
12	Thư viện	1 toà nhà 7 tầng
	<i>Thư viện điện tử</i>	<i>Có hệ thống thư viện điện tử</i>
	<i>Hệ thống mượn sách tự động</i>	<i>Có hệ thống mượn sách tự động</i>
	<i>Phòng học</i>	6
	<i>Hội trường</i>	1
	<i>Phòng máy tính</i>	3
	<i>Kho sách</i>	9
	<i>Phòng đọc</i>	6
	<i>Chỗ ngồi</i>	2000
	<i>Giáo trình</i>	26.000 với 200.000 bản
	<i>Tạp chí</i>	129 loại
	<i>Luận án và luận văn</i>	16.500
	<i>Tài liệu, giáo trình điện tử</i>	16.000
	<i>Bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến</i>	5
13	Trung tâm đào tạo Ngân hàng, Chứng khoán và doanh nghiệp mô phỏng	1
14	Hệ thống công nghệ thông tin dùng cho quản lý	Có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho quản lý e-office, CMC, LMS
15	Máy vi tính để bàn	1.046
	<i>Máy tính phục vụ giảng dạy</i>	716
	<i>Máy tính phục vụ công tác quản lý</i>	330
16	Máy tính xách tay	Trang bị cho cán bộ quản lý và Tiến sĩ

TT	Tên cơ sở vật chất	Số lượng
17	Kí túc xá với căng tin và nhà ăn	Có
18	Hệ thống sân thể dục thể thao	
	Sân bóng chuyền	6
	Sân bóng đá mini	6
	Sân bóng đá lớn	1
	Sân thể thao phụ	Nhiều sân với tổng diện tích 35.000 m ²
	Nhà thi đấu đa năng	1 nhà thi đấu với 1.000 chỗ ngồi
19	Trung tâm Giáo dục Quốc Phòng - An ninh	1
20	Phòng y tế	1 nhà gồm nhiều phòng làm việc đảm bảo sức khoẻ cho cán bộ, sinh viên

PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình giáo dục thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị được thiết kế dựa trên các văn bản sau:

- Để có thể xây dựng được chuẩn đầu ra CTĐT tiếp cận CDIO, Khoa Kinh tế đã họp, thảo luận lấy ý kiến và tiếp thu các ý kiến xây dựng, góp ý từ Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Kinh tế. Kể từ năm 2020, ngành đã bổ sung các CDR của chương trình đào tạo phù hợp với các trụ cột của CDIO cũng như phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, đảm bảo tính cập nhật những vấn đề thời sự, những yêu cầu mới nhất của thị trường lao động, giúp xây dựng các mục tiêu và chuẩn đầu ra, khung năng lực CTĐT thay thế cho các CTĐT trước đó. Để hình thành chuẩn đầu ra, khung năng lực cho thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị, nhà trường đã xây dựng hội đồng tư vấn chương trình đào tạo, bao gồm các cán bộ quản lý, giảng viên có thâm niên, đại diện các doanh nghiệp có liên quan giúp sức trong việc điều chỉnh, cập nhật và hoàn thiện CTĐT thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị.

1. Trách nhiệm của Khoa/Trường

- Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng mềm; câu lạc bộ, các chương trình rèn nghề, các chương trình hỗ trợ đào tạo của các tổ chức đào tạo nghề nghiệp quốc tế để trang bị thêm nhiều kỹ năng và nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên.

- Phải nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình. Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

- Hướng dẫn học viên xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu ngay từ năm đầu đại học.

2. Trách nhiệm của giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh

viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Thiết kế các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động NCKH sinh viên, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận, báo cáo thực tập ngành Kế toán hướng tới mục tiêu hình thành ở người học các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Các bài tập nhóm, bài thảo luận giúp sinh viên hình thành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ứng xử; những bài tập thực tế giúp sinh viên hiểu, phân tích được tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo trong dạy học.

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà;

- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng theo quy chế của học chế tín chỉ;

- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

3. Trách nhiệm của học viên

- Chủ động lên kế hoạch học tập, tham gia các chương trình Khoa và bộ môn tổ chức để hiểu hơn về các môn học và phát triển năng lực. Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng và đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng